

QUỐC HỘI VỚI SỰ NGHIỆP 60 NĂM XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

NGUYỄN PHÚC THANH *

N NGÀY 6-1-1946, cuộc Tổng tuyển cử bầu đại biểu Quốc hội lần đầu tiên đã diễn ra ở nước ta. Đây là sự kiện lịch sử trọng đại, thành quả to lớn mà Cách mạng Tháng Tám đem lại cho nhân dân Việt Nam, từ địa vị nô lệ đã trở thành người chủ thực sự, tự mình lập ra chính quyền để quản lý, điều hành mọi công việc của đất nước. Trong bộ máy nhà nước dân chủ nhân dân đó, Quốc hội là cơ quan có vai trò và vị trí đặc biệt không một cơ quan nào khác của Nhà nước có được. Đến nay nước ta đã có 4 bản Hiến pháp được Quốc hội thông qua. Đó là Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp năm 1959, Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992. Gắn với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của mỗi giai đoạn lịch sử, lời văn và cách thể hiện trong mỗi bản Hiến pháp có những điểm khác nhau, nhưng chức năng cơ bản của Quốc hội luôn thống nhất: Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam); là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp; quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước; thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Thực hiện chức năng hiến định, trong hơn nửa thế kỷ qua, Quốc hội nước ta đã góp phần to lớn

vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đối với lĩnh vực quốc phòng nói chung, quân đội nhân dân nói riêng, Quốc hội đã dành sự quan tâm sâu sắc đặc biệt về nhiều mặt. Ngày 2-3-1946, tại Kỳ họp đầu tiên, Quốc hội đã bầu ra Chính phủ Liên hiệp kháng chiến và giao cho Chính phủ nhiệm vụ "thực hiện triệt để sự thống nhất các lực lượng của quốc dân về phương diện quân sự, tuyên truyền cũng như về phương diện hành chính tư pháp, tổng động viên nhân lực và tài sản của quốc gia theo nhu cầu của tình thế để đưa kháng chiến đến thắng lợi và nước nhà được độc lập..."⁽¹⁾. Cũng tại kỳ họp này, Quốc hội bầu ra Ban Thường trực Quốc hội để thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn do Quốc hội giao trong điều kiện và hoàn cảnh của cuộc kháng chiến không cho phép triệu tập Quốc hội, đồng thời thông qua các điện văn gửi nhân dân toàn quốc và các chiến sĩ quân đội ngoài mặt trận. Tuy không có điều kiện để tập trung vào thực hiện các

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội

(1) "Biên bản buổi họp toàn thể Kỳ họp thứ nhất", ngày 2-3-1946, của Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Công báo, số 15, ngày 13-4-1947

chức năng và nhiệm vụ, quyền hạn theo hiến định, nhưng điểm lại các hoạt động của Quốc hội trong giai đoạn lịch sử từ năm 1946 đến 1960 đều thấy in đậm vai trò của Quốc hội đối với mỗi bước trưởng thành và chiến công của Quân đội ta. Mặc dù, tình hình kháng chiến diễn ra rất khắt khe, trong khi phải tập trung đối phó với "thù trong, giặc ngoài" và giải quyết những khó khăn chồng chất về kinh tế - xã hội, tài chính, tiền tệ, ngoại giao nhưng "Chính phủ và Quốc hội rất coi trọng vấn đề quản lý và chỉ huy các lực lượng vũ trang. Ngày 20-1-1948, sau khi được Hội đồng Chính phủ và Ban Thường trực Quốc hội nhất trí, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 110/SL thụ cấp Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp. Và đến tháng 7-1948, đồng chí Võ Nguyên Giáp lại giữ chức Bộ trưởng Bộ Quốc phòng kiêm Tổng chỉ huy quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam. Tiếp đến ngày 19-8-1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh 206/SL thành lập Hội đồng Quốc phòng tối cao... Một số cán bộ quân sự đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thụ cấp thiếu tướng" (2).

Được thành lập ngày 22-12-1944, Quân đội nhân dân Việt Nam đã nhanh chóng khẳng định vai trò và vị trí là công cụ vũ trang sắc bén, tin cậy của Đảng và Nhà nước. Chiến thắng Thu Đông năm 1947, chiến thắng Biên Giới 1950 v.v., đã chứng tỏ sự trưởng thành vượt bậc của Quân đội ta. Hình ảnh "Bộ đội Cụ Hồ" đã đi vào cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc như một biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và ý chí quyết chiến quyết thắng của đội quân cách mạng, "do nhân dân đẻ ra, vì nhân dân mà chiến đấu". Chính vì vậy, Quân đội ta đã được Quốc hội dành cho sự quan tâm đặc biệt. Ban Thường trực Quốc hội đã nhận đỡ đầu Trung đoàn 101 - một đơn vị chủ lực chiến đấu trên chiến trường Trị Thiên anh dũng, kiên cường. Tháng 8-1949, Đại đoàn 308 được thành lập, trong 3 tháng đầu đã lập công xuất sắc, được Quốc hội tặng thanh kiếm "Mã đáo thành công" (3). Sau các chiến dịch lớn ở Biên giới và Tây Bắc, Ban Thường trực Quốc hội đã cử nhiều phái đoàn đi thăm hỏi, động

viên cán bộ, chiến sỹ các đơn vị quân đội có nhiều thành tích và đề nghị Hội đồng Chính phủ khen thưởng.

Phát biểu tại Kỳ họp thứ 3 của Quốc hội khóa I, khi xem xét thông qua Luật cải cách ruộng đất, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói "Luật Cải cách ruộng đất của ta chí nhân chí nghĩa, hợp lý hợp tình chẳng những làm cho cố nông, bần nông, trung nông ở lớp dưới có ruộng cày,... Chúng ta cũng chiếu cố các chiến sỹ đã hy sinh xương máu để bảo vệ đất nước, chúng ta cũng chiếu cố các chiến sỹ đã hy sinh một phần xương máu hay tính mạng cho Tổ quốc, đó là thương binh và gia đình tử sỹ" (4). Kế thừa và phát triển truyền thống đó, trong những năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước đã có nhiều chính sách, chế độ đãi ngộ với đạo lý "uống nước nhớ nguồn" đối với những người đã có công với nước, nhất là, các gia đình có người tham gia quân đội, dân quân tự vệ bị hy sinh trong kháng chiến, như tôn vinh "Bà mẹ Việt Nam anh hùng", chính sách đãi ngộ người có công với nước, khen thưởng kháng chiến, chính sách đối với người bị nhiễm chất độc da cam, quy tập hài cốt liệt sỹ v.v., đã có tác động tích cực đến tâm tư, tình cảm không chỉ cán bộ, chiến sỹ tại ngũ và gia đình họ mà còn đối với thế hệ trẻ - lực lượng bổ sung cho quân đội nhân dân trong tương lai.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, hòa bình được lập lại từ vĩ tuyến 17 trở ra. Đất nước ta bước vào thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Song song với nhiệm vụ khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, nhiệm vụ xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân là một trong những vấn đề được Quốc hội hết sức coi trọng. Báo cáo của Chính phủ được Quốc hội thông qua khẳng định: "Củng cố quốc phòng, củng cố quân đội nhân dân là một nhiệm vụ quan trọng của Chính phủ và của nhân dân nước Việt Nam dân

(2) (3) (4) *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946-1960)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr 118-119; 128-129; 137-138

chủ cộng hòa. Những ý nghĩ vì hòa bình đã trở lại mà coi nhẹ nhiệm vụ ấy đều hoàn toàn sai lầm" (5). Trên cơ sở quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ III của Đảng (9-1960) về đường lối cách mạng miền Nam, ngày 26-4-1962, Quốc hội đã ra tuyên bố, trong đó có đoạn viết: "Đế quốc Mỹ đang tiến hành một cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, trái với Hiệp nghị Giơ-ne-vơ năm 1954 về Việt Nam, trái với Hiến chương Liên hợp quốc, trái với Nghị quyết của Đại hội đồng Liên hợp quốc khóa thứ 15 đòi thủ tiêu chủ nghĩa thực dân dưới mọi hình thức. Quốc hội trịnh trọng tuyên bố rằng: Chính phủ Mỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những hậu quả nguy hiểm do chính sách xâm lược trắng trợn của Mỹ gây ra" (6). Để thực hiện tuyên bố đó, Quốc hội đã động viên toàn thể nhân dân từ miền xuôi đến miền ngược của miền Bắc xã hội chủ nghĩa chỉ viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam đánh thắng với khẩu hiệu hành động "thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người". Trong bộn bề công việc, Quốc hội luôn theo dõi sát sao tình hình chiến sự. Tháng 12-1974, tại Kỳ họp thứ 5 - kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khóa IV, Quốc hội đã nghe Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay mặt Hội đồng Chính phủ báo cáo đánh giá tương quan lực lượng địch - ta trên chiến trường và chủ trương khi có thời cơ thuận lợi sẽ tiến lên hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ. Trên cơ sở xem xét cân nhắc các mặt, Quốc hội đã tán thành bản báo cáo đó của Hội đồng Chính phủ để triển khai thực hiện. Sau khi hoàn thành việc chuẩn bị, cuộc Tổng tiến công chiến lược của ta đã mở đầu từ ngày 4-3-1975 bằng Chiến dịch Tây Nguyên. "Giữa lúc tiếng súng chiến dịch mở đầu cuộc Tổng tiến công chiến lược mùa xuân năm 1975, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã họp phiên đặc biệt để nghe Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng báo cáo về cuộc tiến công và nổi dậy của quân và dân Việt Nam nhằm đánh đổ tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu, đánh đổ chế độ thực dân mới của Mỹ ở miền Nam. Ủy ban Thường vụ Quốc hội rất vui mừng về những thắng lợi cực kỳ to lớn của quân và dân ta ở miền

Nam đang làm thay đổi hẳn lực lượng so sánh, tạo nên thời cơ mới để tiếp tục tiến lên giành thắng lợi to lớn hơn, đưa cách mạng miền Nam đến thắng lợi hoàn toàn" (7).

Trong hoạt động lập hiến và lập pháp, quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng, Quốc hội xác định việc củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội nhân dân làm nòng cốt trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ của toàn dân và của cả hệ thống chính trị, phải được tiến hành thường xuyên, liên tục. Trong 4 bản Hiến pháp của nước ta, chế định bảo vệ Tổ quốc đã được kế thừa và phát triển với những quy định ngày càng cụ thể và toàn diện. Từ một số quy định có tính nguyên tắc trong Hiến pháp năm 1946 "mỗi công dân Việt Nam phải bảo vệ Tổ quốc..." (Điều 4) và "có nghĩa vụ phải đi lính" (Điều 5) đến Hiến pháp năm 1980 và Hiến pháp năm 1992, nội dung này đã được bổ sung và cụ thể hóa thành chương "Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa", trong đó quy định rõ "Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh quốc gia là sự nghiệp của toàn dân... Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và công dân phải làm đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh do pháp luật quy định" (Điều 44 - Hiến pháp năm 1992) và "Nhà nước xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu trên cơ sở kết hợp xây dựng với bảo vệ Tổ quốc..." (Điều 46 - Hiến pháp năm 1992). Trong mỗi giai đoạn của cách mạng, căn cứ vào quy định của Hiến pháp hiện hành, Quốc hội đã thể chế hóa thành luật, pháp lệnh để từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực quốc phòng. Năm 1958, Luật về chế độ phục vụ của sĩ quan quân đội nhân dân được Quốc hội ban hành. Năm 1960, Quốc hội thông qua Luật Nghĩa vụ quân sự. Tính đến nay, nhờ sự nỗ lực của Quốc hội từ

(5) *Khóa họp V, Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*, Quốc hội xuất bản, Hà Nội, 1956, tr 156

(6) (7) *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1960-1976)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 59; 193

khóa I đến khóa XI trong công tác lập pháp, lĩnh vực quốc phòng đã có một hệ thống văn bản pháp luật quan trọng, tạo hành lang pháp lý cần thiết cho việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng quân đội nhân dân và tăng cường quản lý nhà nước đối với lĩnh vực quan trọng này. Hệ thống văn bản pháp luật đó bao gồm Luật Sĩ quan quân đội nhân dân, Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Biên giới quốc gia, Pháp lệnh Dân quân tự vệ, Pháp lệnh Lực lượng dự bị động viên, Pháp lệnh Tổ chức Tòa án quân sự, Pháp lệnh Tổ chức Viện kiểm sát quân sự, Pháp lệnh Bộ đội biên phòng, Pháp lệnh Tình báo, Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, Pháp lệnh Động viên công nghiệp, Pháp lệnh Lực lượng cảnh sát biên Việt Nam.

Tuy nhiên, hệ thống văn bản pháp luật về lĩnh vực quốc phòng vẫn còn thiếu một số đạo luật quan trọng, đóng vai trò nền tảng, chứa đựng những quy định có tính nguyên tắc, chính sách chung về xây dựng nền quốc phòng toàn dân; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức cũng như quyền và nghĩa vụ của công dân trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng bảo vệ Tổ quốc, như Luật Quốc phòng là một thí dụ. Hiện nay, Quốc hội đang xem xét, cho ý kiến và sẽ thông qua dự án luật này trong thời gian tới. Sau khi được ban hành, Luật Quốc phòng sẽ góp phần hoàn thiện về cơ bản hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cho lĩnh vực quốc phòng, nâng cao hiệu quả và hiệu lực quản lý của nhà nước.

Thực hiện chức năng quyết định những vấn đề trọng đại của đất nước, Quốc hội cũng rất chú ý đến lĩnh vực quốc phòng và vấn đề xây dựng quân đội. Mục tiêu xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại đã được đặt ra và thể hiện trong các văn kiện của Quốc hội ngay từ những năm 60 của thế kỷ XX. Trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mục tiêu này đã được ghi trang trọng trong Hiến pháp năm 1992. Để thực hiện mục tiêu đó, ngân sách nhà nước chi cho quốc phòng giữ vai trò quyết định, vừa bảo đảm đời sống của cán bộ, chiến sĩ, vừa

duy trì và nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu của quân đội. Chính vì vậy, lĩnh vực quốc phòng luôn luôn được Quốc hội xếp vào nhóm ưu tiên hàng đầu về phân bổ ngân sách và xác định những nhiệm vụ quốc phòng trọng tâm trong Nghị quyết về nhiệm vụ hàng năm như "Tăng cường các biện pháp giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, nhất là, trên các địa bàn trọng điểm... Coi trọng chỉ đạo xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh. Bảo đảm trang bị, vũ khí, khí tài phục vụ kịp thời và có hiệu quả yêu cầu xây dựng lực lượng vũ trang... Nâng cao trách nhiệm, bản lĩnh chính trị của cán bộ, chiến sỹ quân đội..."⁽⁸⁾. Xây dựng quân đội trong thời bình đòi hỏi phải có những điều chỉnh nhất định về tổ chức đội ngũ sĩ quan, nhưng để bảo đảm vị thế của Quân đội ta trong quan hệ đối nội và đối ngoại, trên cơ sở ý kiến đề nghị của Ủy ban Quốc phòng và An ninh, Quốc hội khóa X đã quyết định giữ lại cấp hàm Đại tướng là cấp hàm cao nhất trong hệ thống cấp hàm của quân đội (dự thảo Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam trình Quốc hội đề nghị cấp hàm cao nhất là Thượng tướng). Chế độ tiền lương hiện nay của sĩ quan quân đội là 1,8 lần so với lương của cán bộ tương đương ngoài quân đội, tuy chưa đáp ứng được tính chất lao động đặc biệt của lĩnh vực quốc phòng, nhưng đã thể hiện sự quan tâm và cố gắng lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đối với đội ngũ sĩ quan quân đội trong điều kiện kinh tế của đất nước còn hạn hẹp.

Bảo đảm sự tham gia của quân đội vào các công việc của Nhà nước, Quốc hội luôn luôn dành một tỷ lệ thích đáng đại biểu của quân đội trong tổng số đại biểu Quốc hội nước ta. Từ khóa I đến khóa XI của Quốc hội, đại biểu Quốc hội công tác trong quân đội bình quân chiếm khoảng 7 - 8% tổng số đại biểu Quốc hội. Là người đại diện cho cán bộ, chiến sĩ quân đội, các đại biểu

(Xem tiếp trang 26)

(8) Nghị quyết của Quốc hội số 19/2003/QH11, ngày 26-11-2003, Về nhiệm vụ năm 2004

Đơn cử, các tỉnh Trung Quốc có biên giới chung với nước ta đều quy định, lãnh đạo các cấp làm công tác thương mại với Việt Nam phải biết tiếng Việt. Sứ quán Hoa Kỳ ở Việt Nam cũng quy định, tất cả cán bộ và nhân viên phải học và nói được tiếng Việt. Trong khi đó, việc học tiếng nước ngoài để phục vụ cho công việc hội nhập khu vực và quốc tế chưa được chúng ta coi trọng đúng mức.

Thứ sáu, muốn có thị trường toàn cầu chúng ta phải mở cửa thị trường trong nước. Công cuộc cạnh tranh sẽ quyết liệt, bởi vì đa số doanh nghiệp của ta thuộc loại nhỏ và vừa. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ phù hợp với các quy định của WTO, như: hỗ trợ nâng cao chất lượng hàng hóa và bao bì, hỗ trợ phát triển mặt hàng mới, thị trường mới và giữ vững các thị trường cũ, hỗ trợ cước vận tải hàng xuất khẩu, hỗ trợ đào tạo cán bộ v.v...

Trong cuộc cạnh tranh mới, đa số doanh nghiệp sẽ vươn lên, nhưng một số sẽ dừng lại. Do vậy, vấn đề an sinh phải đặt ra để bảo vệ người lao động, tạo ra sự ổn định xã hội. Trong thời gian qua, chính sách và các doanh nghiệp đã bắt đầu chuyển biến, quan tâm đến thị trường trong nước hơn. Song như vậy vẫn chưa đủ. Chúng ta phải đẩy nhanh việc hình thành các mạng lưới tiêu thụ để chiếm lĩnh thị trường trong nước, trước khi phải mở cửa hoàn toàn để hội nhập và gia nhập WTO.

Thực tế cho thấy, đa số các nước gia nhập WTO đều có nền kinh tế phát triển nhanh, như Trung Quốc và các nước Đông Âu (trừ một vài nước, do quản lý kém và cải cách trong nước không đồng bộ thì gặp khó khăn). Nếu chúng ta tranh thủ được lợi thế của tiến trình hội nhập và gia nhập WTO, đẩy nhanh quá trình cải cách mà Đảng và Chính phủ đã đề ra, biến các thách thức thành thời cơ mới, chắc chắn nền kinh tế của chúng ta sẽ có cơ hội phát triển cao hơn. □

QUỐC HỘI...

(Tiếp theo trang 16)

Quốc hội công tác trong quân đội đã mang đến Quốc hội tiếng nói của những cử tri trên khắp mọi miền đất nước, đang ngày đêm nắm chắc tay súng bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Cùng với việc ban hành luật, pháp lệnh và các nghị quyết, Quốc hội còn thực hiện chức năng giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước. Kể từ Quốc hội khóa IX đến nay, Quốc hội thực hiện chức năng giám sát của mình về lĩnh vực quốc phòng thông qua xem xét báo cáo của Chính phủ hoặc nghe báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội về kết quả giám sát tình hình thực hiện luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lĩnh vực này, nhằm bảo đảm việc thực hiện các văn bản luật, pháp lệnh và nghị quyết đó được thi hành nghiêm chỉnh và thống nhất trong phạm vi cả nước.

Lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội ta trong suốt 60 năm qua luôn gắn liền với hoạt động của Quốc hội, vì Quốc hội và quân đội đều của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, vấn đề tiếp tục tăng cường quản lý nhà nước đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh là hết sức cần thiết. Việc thể chế hóa về mặt nhà nước nhiệm vụ đó thành pháp luật, quyết định ngân sách để bảo đảm thực hiện và giám sát việc thực hiện được nghiêm chỉnh, thống nhất trong cả nước đều thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Với tinh thần đổi mới, Quốc hội nước ta sẽ tiếp tục dành sự quan tâm to lớn và hiệu quả cho quốc phòng và quân đội tương xứng với vị trí và vai trò lực lượng nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. □